

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nhiệm vụ thiết kế, nhiệm vụ khảo sát và chi phí khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình di chuyển đường dây trung thế 22KV khoảng cột 48-59 trục chính lộ 472E9.17 và đường dây 0,4KV phục vụ GPMB cụm công nghiệp Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 9050/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cụm công nghiệp Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 186/TĐ-KTHT ngày 01/7/2021 và Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư GPMB dự án cụm công nghiệp Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn tại tờ trình 2821/TTr-HĐGPMB ngày 26/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ thiết kế, nhiệm vụ khảo sát và chi phí khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Di chuyển đường dây trung thế 22KV khoảng cột 48-59 trục chính lộ 472E9.17 và đường dây 0,4KV phục vụ GPMB cụm công nghiệp Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn với các nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Di chuyển đường dây trung thế 22KV khoảng cột 48-59 trục chính lộ 472E9.17 và đường dây 0,4KV phục vụ GPMB cụm công nghiệp Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn.
3. Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Sơn.
4. Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp, cấp IV.
5. Đơn vị lập nhiệm vụ thiết kế, khảo sát lập BCKTKT dự án: Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Hàm Rồng.
6. Nhiệm vụ thiết kế: Có phụ lục 1 kèm theo.
7. Nhiệm vụ khảo sát: Có phụ lục 2 kèm theo.
8. Chi phí khảo sát, lập báo cáo KTKT dự án: **200.051.000 đồng** (Hai trăm triệu, không trăm năm mươi một nghìn đồng).

Trong đó:

| | |
|--|---------------|
| - Chi phí khảo sát: | 61.602.000 đ |
| - Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát: | 1.848.000 đ |
| - Chi phí giám sát khảo sát: | 2.508.000 đ |
| - Chi phí lập báo cáo NCKT (tạm tính): | 134.093.000 đ |

9. Nguồn vốn: Từ nguồn kinh phí GPMB của dự án.

Điều 2. Giao Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư GPMB dự án cụm công nghiệp Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn tổ chức triển khai thực hiện đúng nội dung công việc đã được phê duyệt, tổ chức giám sát và nghiệm thu khối lượng công việc theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước đảm bảo tiến độ, chất lượng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc kho bạc huyện; Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư GPMB dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT (TDg).

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

PHỤ LỤC 1: NHIỆM VỤ THIẾT KẾ

Dự án: Di chuyển đường dây trung thế 22KV khoảng cột 48-59 trục chính lộ 472E9.17 và đường dây 0,4KV phục vụ GPMB cụm công nghiệp Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

1. Các căn cứ để lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình:

1.1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 9050/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cụm công nghiệp Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng:

- Tuyển tập Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam;
- Quy phạm trang bị điện 11 TCN-18-2006 đến 11 TCN-21-2006;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia- số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng QCVN 02:2009/BXD;
- Quy chuẩn quốc gia về xây dựng lưới tọa độ QCVN 04:2009/BTNMT;
- Quy chuẩn quốc gia về xây dựng lưới độ cao QCVN 08:2009/BTNMT;
- Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình 1:500 đến 1:5000 (phần ngoài trời) Cục đo đạc và bản đồ Nhà nước 96-TCN-43-90;
- Quy phạm trắc địa, địa chất – Tổng cục Mỏ địa chất – 1990;
- Ký hiệu bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500 đến 1:5000 và 1:10.000-90-TCN-31-91;
- Tiêu chuẩn TCXDVN 309-2004 của Bộ Xây dựng Quy định công tác trắc địa trong xây dựng;
- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 9401:2012 – Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và sử lý số liệu trong trắc địa công trình;
- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN-309:2004 về “Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung” do Bộ Xây dựng ban hành theo quyết định số 04/2005/QĐ-BXD ngày 10/01/2005;
- Quyết định số 255/QĐ-EVN ngày 02/3/2018 của Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam về việc ban hành “Quy định về công tác khảo sát phục vụ thiết kế các công trình điện áp dụng trong Tập đoàn điện lực Quốc gia Việt Nam”.

- Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

2. Mục tiêu xây dựng công trình: Di chuyển đường dây trung thế 22KV khoảng cột 48-59 trục chính lộ 472E9.17 và đường dây 0,4KV phục vụ GPMB cụm công nghiệp Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn.

4. Các yêu cầu về quy hoạch, cảnh quan và kiến trúc của công trình:

4.1. Yêu cầu về quy hoạch: Các hạng mục xây dựng hạ tầng của công trình phải tuân thủ với quy hoạch chi tiết được phê duyệt; đáp ứng được yêu cầu thực hiện mục tiêu phát triển địa phương phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội trong vùng đã được phê duyệt;

4.2. Yêu cầu về cảnh quan: Đảm bảo phù hợp với cảnh quan môi trường xung quanh khu vực xây dựng công trình; không làm ảnh hưởng đến các công trình văn hóa của địa phương;

4.3. Yêu cầu về kiến trúc: Công trình xây dựng đảm bảo tính thẩm mỹ; kỹ thuật; không gây ảnh hưởng đến các công trình kiến trúc xung quanh; xây dựng công trình theo hướng phát triển đa mục tiêu.

5. Các yêu cầu về quy mô và thời hạn sử dụng công trình, công năng sử dụng và các yêu cầu kỹ thuật khác đối với công trình:

5.1. Quy mô công trình:

- Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp, cấp IV;

- Quy mô đầu tư: Di chuyển đường dây trung thế 22KV khoảng cột 48-59 trục chính lộ 472E9.17 và đường dây 0,4KV phục vụ GPMB cụm công nghiệp Hợp Thắng.

5.2. Yêu cầu về thời hạn, công năng sử dụng:

- Tuổi thọ công trình: Theo cấp công trình.

- Công năng sử dụng: Phục vụ GPMB cụm công nghiệp Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn.

5.3. Yêu cầu khác: Công trình thiết kế đảm bảo an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành và hiệu quả về mặt kinh tế, kỹ thuật, công trình phát huy được đa mục tiêu.

PHỤ LỤC 2: NHIỆM VỤ KHẢO SÁT XÂY DỰNG

Dự án: Di chuyển đường dây trung thế 22KV khoảng cột 48-59 trục chính lộ 472E9.17 và đường dây 0,4KV phục vụ GPMB cụm công nghiệp Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

1. Các căn cứ để lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng:

1.1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 9050/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cụm công nghiệp Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng

- Tuyển tập Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam;
- Quy phạm trang bị điện 11 TCN-18-2006 đến 11 TCN-21-2006;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia- số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng QCVN 02:2009/BXD;
- Quy chuẩn quốc gia về xây dựng lưới tọa độ QCVN 04:2009/BTNMT;
- Quy chuẩn quốc gia về xây dựng lưới độ cao QCVN 08:2009/BTNMT;
- Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình 1:500 đến 1:5000 (phần ngoài trời) Cục đo đạc và bản đồ Nhà nước 96-TCN-43-90;
- Quy phạm trắc địa, địa chất – Tổng cục Mỏ địa chất – 1990;
- Ký hiệu bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500 đến 1:5000 và 1:10.000–90–TCN–31–91;
- Tiêu chuẩn TCXDVN 309-2004 của Bộ Xây dựng Quy định công tác trắc địa trong xây dựng;
- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 9401:2012 – Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và sử lý số liệu trong trắc địa công trình;
- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN-309:2004 về “Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung” do Bộ Xây dựng ban hành theo quyết định số 04/2005/QĐ-BXD ngày 10/01/2005;
- Quyết định số 255/QĐ-EVN ngày 02/3/2018 của Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam về việc ban hành “Quy định về công tác khảo sát phục vụ thiết kế các công trình điện áp dụng trong Tập đoàn điện lực Quốc gia Việt Nam”.

- Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

2. Mục đích khảo sát: Cung cấp các tài liệu, chi tiết về địa hình, khí tượng - thủy văn khu vực tuyến đường dây di chuyển, phục vụ công tác lập thiết kế bản vẽ thi công, tổ chức thi công và lập dự toán công trình

3. Tên công trình: Di chuyển đường dây trung thế 22KV khoảng cột 48-59 trục chính lộ 472E9.17 và đường dây 0,4KV phục vụ GPMB cụm công nghiệp Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn.

5. Phương pháp khảo sát:

Khảo sát địa hình:

- Hệ cao tọa độ: Hệ tọa độ sử dụng hệ tọa độ VN 2000; Hệ cao độ theo hệ cao độ quốc gia Hòn Dấu - Hải Phòng;

- Đo thực tế tại công trình; sử dụng phương pháp toàn đạc (dùng máy quang cơ và máy điện tử).

6. Khối lượng khảo sát:

6.1. Lập lưới khống chế mặt bằng

- Đường chuyền cấp II, địa hình cấp III: 02 điểm.

- Thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp III: $1,347+0,95=2,297$ km.

6.2. Đường dây trung thế 22KV

* *Đo vẽ cắt dọc tim tuyến đường dây:*

- Tỷ lệ đo vẽ đứng: 1/500; tỷ lệ ngang: 1/5.000.

+ Đo chiều dài với độ chính xác $\leq 1/300$

+ Đo độ cao: Theo từng khoảng néo bằng phương pháp đo độ cao lượng giác với độ chính xác $\leq \pm 0,4 D\sqrt{n}$.

+ Đo góc lái tối thiểu 2 nửa vòng đo với độ chính xác $\leq \pm 30''$.

+ Chôn mốc: Tại điểm đầu, điểm cuối, điểm góc, cột vượt sông đều phải chôn mốc bê tông cốt thép.

- Phạm vị đo, vẽ:

+ Đối với đoạn vượt sông: 50m dọc tuyến tính từ mép nước sông;

+ Khi đo vẽ mặt cắt dọc, tiến hành điều tra, đo đạc, kích thước các công trình địa vật: công trình dân dụng nhà cửa, đường xá, cây cối, hoa màu, rừng, đường dây nằm trong phạm vi 20m cách tim tuyến ĐDK. Tại những đoạn tuyến vượt sông, cần điều tra đo đạc chiều cao tính không lớn nhất của các phương tiện đi trên sông.

- Kết quả điều tra, đo đạc lập thành bảng thống kê và thể hiện trên bình đồ hành lang tuyến 1:5000.

- Khối lượng dự kiến: 1.347m.

* *Đo đạc, phân trụ trung gian tại thực địa:*

- Đưa từng vị trí cột thiết kế trên bản vẽ ra thực địa.

- Đánh dấu, chôn mốc bằng bê tông tất cả các vị trí cột.

- Sai số đo chiều dài $\leq 1/300$.

- Sai số đo hướng tuyến $\leq \pm 30''$.

6.3. Đường dây trung thế 0,4KV

* Đo vẽ cắt dọc tim tuyến đường dây:

- Tỷ lệ đo vẽ đứng: 1/200; tỷ lệ ngang: 1/2.000.
- Khối lượng dự kiến: 950m;

* Đo đạc, phân trụ trung gian tại thực địa:

- Đưa từng vị trí cột thiết kế trên bản vẽ ra thực địa.
- Đánh dấu, chôn mốc bằng bê tông tất cả các vị trí cột.
- Sai số đo chiều dài $\leq 1/300$
- Sai số đo hướng tuyến $\leq \pm 30''$.

Khối lượng khảo sát địa hình dự kiến

| TT | Nội dung công việc | Đơn vị | Khối lượng |
|------------|---|--------|------------|
| I | Lập lưới khống chế mặt bằng | | |
| 1 | Đường chuyền cấp II | điểm | 3,0 |
| 2 | Thủy chuẩn kỹ thuật | km | 2,297 |
| II | Đường dây 22kV | | |
| 3 | Đo vẽ cắt dọc tim tuyến đường dây 22KV | km | 1,347 |
| 4 | Cắm mốc phân chia móng cột trung gian | km | 1,347 |
| 5 | Phục hồi tuyến và bàn giao để thi công | km | 1,347 |
| III | Đường dây hạ thế | | |
| 6 | Đo vẽ cắt dọc tim tuyến đường dây 0.4KV | km | 0,95 |
| 7 | Cắm mốc phân chia móng cột trung gian | km | 0,95 |
| 8 | Phục hồi tuyến và bàn giao để thi công | km | 0,95 |

7. Thời gian thực hiện khảo sát: 01 tháng kể từ ngày nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.